

Bản án số: 41/2025/DS-PT

Ngày 17/01/2025

V/v “Tranh chấp thừa kế, yêu cầu hủy giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 694/DS-PT ngày 07 tháng 10 năm 2024, về việc: “Tranh chấp thừa kế, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2023/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3678/QĐPT, ngày 25 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Th, sinh năm 1953; cư trú tại: Thôn Mỹ T 02, xã Nhơn, huyện Ninh H, tỉnh Ninh Thuận; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị T: Bà Nguyễn Tuyết Ng, vắng mặt; ông Nguyễn Trọng A đều là Luật sư của Công ty Luật TNHH Tâm Quang thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị G (Gái N), sinh năm 1969; cư trú tại: Thôn Mỹ T 01, xã Thanh Ha, huyện Ninh H, tỉnh Ninh Thuận; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà G: Bà Trần Thanh Th là Luật sư của Văn phòng Luật sư Thanh Thủy thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Ninh Thuận; có mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Nh (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nh:

1.1. Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1957

Đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị T: Bà Đỗ Oanh Đỗ Q, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Số 56/10/01 Ngõ Q, phường Mỹ H, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

1.2. Ông Đỗ Anh Th, sinh năm 1962; cư trú tại: 62 Sunny Ave, Webster.Ma.01570.USA (Hoa Kỳ); vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị S (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Sinh:

2.1. Bà Lê Thị T, sinh năm 1953; cư trú tại: Thôn Mỹ T 02, xã Nhơn H, huyện Ninh H, tỉnh Ninh Thuận; có mặt.

2.2. Bà Lê Thị Thanh H, sinh năm 1961; vắng mặt.

2.3. Bà Lê Thị Thanh Th, sinh năm 1963; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn Mỹ T 1, xã Thanh H, huyện Ninh H, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Thanh Ho, bà Lê Thị Thanh Th: Bà Lê Thị T, sinh năm 1953; cư trú tại: Thôn Mỹ T 02, xã Nhơn H, huyện Ninh H, tỉnh Ninh Thuận; có mặt.

2.4. Ông Lê Minh L (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông L:

2.4.1. Anh Lê Minh Tr, sinh năm 1979; vắng mặt.

2.4.2. Chị Lê Thị Thanh H (Lê Thị B), sinh năm 1981; vắng mặt.

2.4.3. Anh Lê Minh T, sinh năm 1983; vắng mặt.

2.4.4. Chị Lê Thị Ph, sinh năm 1985; vắng mặt.

2.4.5. Anh Lê Minh Th, sinh năm 1988; vắng mặt.

2.4.6. Chị Lê Thị T, sinh năm 1990; vắng mặt.

2.4.7. Anh Lê Minh Th, sinh năm 1993; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn Mỹ T 1, xã Thanh H, huyện Ninh H, tỉnh Ninh Thuận.

3. Ông Nguyễn Th (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Th:

3.1. Ông Nguyễn N (đã chết).

Người thừa kế của ông N:

3.1.1. Nguyễn Thị G (Gái N) - vợ ông Nguyễn N; có mặt.

3.1.2. Chị Nguyễn Thị Thanh Nha, sinh năm 1988; vắng mặt.

3.1.3. Chị Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1990; vắng mặt.

3.1.4. Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1993; vắng mặt.

3.1.5. Chị Nguyễn Thị Thanh Ng, sinh năm 1997; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn Mỹ T 1, xã Thanh H, huyện Ninh H, tỉnh Ninh Thuận;

3.2. Bà Nguyễn Thị Nh (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà N:

3.2.1. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1961 - Chồng bà Nh; cư trú tại: Thôn Mỹ T 02, xã Thanh H, huyện Ninh H, tỉnh Ninh Thuận; vắng mặt.

3.2.2. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1982; cư trú tại: Thôn Mỹ P, xã Thanh H huyện Ninh H, tỉnh Ninh Thuận; vắng mặt.

3.2.3. Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1985; cư trú tại: Thôn Mỹ T 02, xã Thanh H, huyện Ninh H, tỉnh Ninh Thuận; vắng mặt.

3.2.4. Anh Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1987; cư trú tại: Thôn Mỹ T 2, xã Nhơn H, huyện Ninh H, tỉnh Ninh Thuận; vắng mặt.

3.2.5. Anh Nguyễn Văn Tứ Đ, sinh năm 1990; vắng mặt.

3.2.6. Chị Nguyễn Thị Mộng Y, sinh năm 1992; vắng mặt.

3.2.7. Nguyễn Văn Vàng A, sinh năm 1994; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn Mỹ T 2, xã Thanh H huyện Ninh H, tỉnh Ninh Thuận.

4. Ông Nguyễn N (chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn N:

4.1. Bà Nguyễn Thị Z - vợ ông Nguyễn N; vắng mặt.

4.2. Ông Nguyễn Trinh A, sinh năm 1961; vắng mặt.

4.3. Ông Nguyễn Trinh E; Vợ ông Nguyễn Trinh E là bà Đào Thị H sinh năm 1967; cư trú tại: Thôn Mỹ T 02, xã Thanh H, huyện Ninh H, tỉnh Ninh Thuận; vắng mặt.

4.4. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; vắng mặt.

4.5. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1969; vắng mặt.

4.6. Ông Nguyễn Đ, sinh năm 1971; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn Mỹ T 01, xã Thanh H huyện Ninh H, tỉnh Ninh Thuận.

5. Bà Nguyễn Thị G (Gái l), sinh năm 1939; cư trú tại: Thôn Mỹ T 1, xã Thanh H, huyện Ninh H, tỉnh Ninh Thuận; vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị G (Gái l):

- Bà Lê Thị T, sinh năm 1953; cư trú tại: Thôn Mỹ T 2, xã Nhơn H, huyện Ninh H, tỉnh Ninh Thuận; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền lại:

- Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1971 (đã chết).

6. Ông Nguyễn L, sinh năm 1943; vắng mặt.

6.1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1948 - Vợ ông Nguyễn L; cư trú tại: Thôn Mỹ T 01, xã Thanh Ha, huyện Ninh H, tỉnh Ninh Thuận; vắng mặt;

- *Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến việc chuyển nhượng đất đối với thửa đất bà Lê Thị T khởi kiện:*

1. Vợ chồng bà Trần Thị Ái T, ông Da Droach Ha Th, sinh năm 1986; cùng cư trú tại: Thôn Mỹ Ph, xã Thanh H, huyện Ninh H, tỉnh Ninh Thuận; vắng mặt.

2. Vợ chồng bà Trà Thị H, sinh năm 1964, ông Nguyễn Kim D, sinh năm 1964; cùng cư trú tại: Thôn Mỹ T 02, xã Thanh H, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, ông D: Ông Nguyễn Kim A; cư trú tại: Thôn Mỹ Tân 02, xã Thanh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận; có mặt.

3. Vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh Th, ông Trần Minh V, sinh năm 1989; cư trú tại: Thôn Mỹ T xã Thanh H, huyện Ninh H, tỉnh Ninh Thuận; vắng mặt.

4. Vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1993, ông Nguyễn Thanh D; cùng cư trú tại: Thôn Mỹ T 1, xã Thanh H, huyện Ninh H, tỉnh Ninh Thuận; vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Ủy ban nhân dân huyện Ninh H, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh Th - Chủ tịch UBND; vắng mặt.

Địa chỉ trụ sở: 376 đường Trường Ch, Thị trấn Khánh H, huyện Ninh H, tỉnh Ninh Thuận.

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị Thử là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Bà là con đẻ của bà Nguyễn Thị S. Ông bà ngoại của bà tên Nguyễn Ngô (sinh năm 1909, chết ngày 06/5/1990), Nguyễn Thị M (sinh năm 1911, chết ngày 04/01/2003). Vợ chồng ông Ng bà My chết không để lại di chúc, không có con riêng, không có con nuôi. Cha mẹ của ông Ngô, bà M đã chết trước ông Ng bà M. Vợ chồng ông Ngô bà M sinh được 06 người con đẻ như sau:

1. Bà Nguyễn Thị Nh, chết năm 1969 không để lại di chúc. Chồng bà Nh chết trước bà Nhinh. Bà Nh không có con nuôi. Bà Nhinh có 02 người con đẻ là Đỗ Thị Th và Đỗ Anh Thuận, ông Th đang sinh sống tại Hoa Kỳ.

2. Bà Nguyễn Thị S chết năm 1998, không để lại di chúc. Chồng bà S đã chết trước bà S. Bà S không có con nuôi. Bà S có 04 người con đẻ là Lê Minh L, Lê Thị T, Lê Thị Thanh H, Lê Thị Thanh Th.

Ông L chết năm 2012, không để lại di chúc. Ông L không có con nuôi, không có con riêng. Vợ ông L tên là Đỗ Thị Q chết năm 2018 không để lại di chúc. Cha mẹ bà Q đã chết trước bà Q. Các con đẻ của vợ chồng ông L bà Q là Lê Minh Tr, Lê Thị Thanh H (Lê Thị B), Lê Minh Th, Lê Minh T, Lê Minh T, Lê Thị Ph và Lê Thị Th.

3. Ông Nguyễn Th chết năm 1966, không để lại di chúc. Vợ ông Th tên Phan Thị M đã chết trước ông Th. Ông Th không có con nuôi, không có con riêng. Ông Th có 02 người con đẻ là Nguyễn Thị Nh và Nguyễn N.

Ông Nguyễn N chết năm 2001 không để lại di chúc. Vợ ông N tên Nguyễn Thị G (Gái N). Ông N không có con nuôi. Ông N có 04 người con đẻ là Nguyễn Thị Thanh Nh, Nguyễn Thị Thanh Th, Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thị Th Ng.

Bà Nh chết năm 2014, không để lại di chúc. Chồng bà N tên Nguyễn Văn D. Bà N không có con nuôi. Bà N có 06 người con đẻ là Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn Nh, Nguyễn Văn Tứ Đ, Nguyễn Thị Mộng Y và Nguyễn Văn Vàng A.

4. Ông Nguyễn N chết năm 1979, không để lại di chúc. Vợ ông N tên Nguyễn Thị N. Ông N có 01 người con nuôi tên Nguyễn Trinh A và 04 người con đẻ tên Nguyễn Trinh Em, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị H, Nguyễn Đ.

5. Bà Nguyễn Thị G (Gái l), sinh năm 1939.

6. Ông Nguyễn L, sinh năm 1943.

Khi chết vợ chồng ông N bà M để lại các tài sản gồm:

- 6 sào (6.000 m²) đất cát, có tục danh là đất Ma D, có nguồn gốc là đất của cha mẹ bà M để lại cho bà M là con duy nhất được hưởng, tọa lạc tại thôn Mỹ Tâ 1, xã Thanh H, huyện Ninh H, vị trí tứ cận: Đông giáp đất ông Phạm Ph, Tây giáp đất ông Phạm Th, Nam giáp ông Nguyễn Th, Bắc giáp đất ông Phạm Tr.

- 2,2 sào (2.200 m²) đất cát, tọa lạc tại thôn Mỹ T 1, xã Thanh H, huyện Ninh H, vị trí tứ cận: Đông giáp đất ông Nguyễn Ph, Tây giáp đất ông Lê Thành K, Bắc giáp ông Phạm Ph, Nam giáp ông Nguyễn B.

- 01 căn nhà ngói 01 gian, diện tích 160 m², tọa lạc tại Mỹ T, xã Nhơn (nay là xã Thanh H).

Các thửa đất nói trên đã được Ủy ban nhân dân huyện Ninh H cấp quyền sử dụng đất cụ thể như sau:

Ngày 30/11/1994, Ủy ban nhân dân huyện Ninh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0776632 cho ông Nguyễn N được quyền sử dụng các Thửa đất số 82A, diện tích 1.200 m²; Thửa đất số 83B, diện tích 1.544 m² và Thửa đất số 48, diện tích 2.336 m² cùng tờ Bản đồ số 02 (Bản đồ 299) xã Thanh H.

Ngày 30/11/1994, Ủy ban nhân dân huyện Ninh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0776629 cho ông Nguyễn L được quyền sử dụng Thửa đất số 84, diện tích 2.000 m² đất, tờ Bản đồ số 02 (Bản đồ 299) xã Thanh H, huyện Ninh H.

Ngày 30/11/1994, Ủy ban nhân dân huyện Ninh H đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0863709 cho ông Nguyễn Trinh E được quyền sử dụng 1.400 m² đất thuộc Thửa đất số 83A, tờ bản đồ số 02 (Bản đồ 299) xã Thanh H.

Ngày 21/6/2003, ông L, bà G (Gái l), bà N, ông Trinh E ông Đ và ông L lập Biên bản thỏa thuận phân chia di sản của ông Ngô bà Mỹ, cụ thể như sau:

- Ông Trinh Em là con của ông Nữ 1,4 sào (1.400 m²) có vị trí tứ cận: Đông giáp Nguyễn L, Tây giáp Nguyễn Nh, Nam giáp Nguyễn T, Bắc giáp Phạm Tr đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0863709 ngày 30/11/1994.

- Ông L 2 sào (2.000 m²) có vị trí tứ cận: Đông giáp Phạm Phi, Tây giáp Nguyễn Trinh, Nam giáp Đào Bê, Bắc giáp Phạm Xuân Trâu đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0776629 ngày 30/11/1994.

- Bà G (Gái N) 2,6 sào (2.600 m²) có vị trí tứ cận: Đông giáp Nguyễn Trinh, Tây giáp Phạm Thọ, Nam giáp Nguyễn Thế, Bắc giáp Phạm Ngọc Thảo.

- Ông Trinh E được nhận 360 m² đất (02 lô, mỗi lô 180 m²);

- Ông L được nhận 540 m² đất (03 lô, mỗi lô 180 m²);

- Ông Đ được nhận 180 m² đất (01 lô);

- Ông L được nhận 180 m² đất (01 lô);

- Bà G (Gái N) được nhận 180 m² đất (01 lô);

- Bà N được nhận được nhận 180 m² đất (01 lô);

- Bà G (Gái l) được nhận 180 m² đất (01 lô);

- 360 m² đất (02 lô, mỗi lô 180 m²) giao cho chị Nh, chị Th, chị T và chị Ng.

- Căn nhà 01 gian, diện tích 160 m² đã được Tòa án xét xử giao cho vợ chồng ông Trinh E bà Đào Thị H quản lý để thờ cúng ông Ngô.

Bà Lê Thị Th xác định yêu cầu khởi kiện trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm như sau: Bà Lê Thị T khởi kiện bà Nguyễn Thị D (Gái n), yêu cầu Tòa án giải quyết: Chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 83B tờ bản đồ địa chính số 02 (Tờ bản đồ 299) nay là thửa đất số 181, tờ bản đồ số 07 xã Thanh H, huyện Ninh H, tỉnh Ninh Thuận, diện tích 592,2m² do bà Nguyễn Thị G (Gái N) đang quản lý, sử dụng; Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Ninh H cấp cho ông Nguyễn N (chồng bà Nguyễn Thị G) đối với thửa đất số 83B tờ bản đồ địa chính số 02 (Tờ bản đồ 299).

Bị đơn bà Nguyễn Thị G (Gái N) trình bày:

Bà là vợ ông Nguyễn Nh. Cha mẹ ông Nguyễn N là Nguyễn T, Phan Thị M và đã chết trước ông Ng bà M Vợ chồng bà kết hôn năm 1981. Ông N chết ngày 20/01/2001, có để lại di chúc nhưng đã bị thất lạc. Vợ chồng bà sinh được 04 người con đẻ là Nguyễn Thị Thanh Nha, Nguyễn Thị Thanh T Nguyễn Thị Th T và Nguyễn Thị Thanh Ng.

Quá trình sống chung, năm 1981 vợ chồng bà khai hoang được 2.744 m² đất, có vị trí tứ cận: Đông giáp ông Nguyễn Trinh E, Tây giáp ông Phạm Th, Nam giáp ông Nguyễn T và Bắc giáp ông Phạm Xuân T. Việc khai hoang không có giấy tờ và được UBND huyện Ninh H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/11/1994, số D 0776632 đối với các thửa đất số 82A diện tích 1.200 m², thửa đất số 83B diện tích 1.544 m². Riêng thửa đất số 48 tờ bản đồ số 02 xã Thanh H, diện tích 2.336 m² có nguồn gốc là đất của vợ chồng ông Ng bà M cho vợ chồng bà. Việc cho đất không làm giấy tờ.

Ngày 21/6/2003, những người thừa kế của vợ chồng ông Ng bà M đã lập biên bản phân chia Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 02 xã Thanh H, huyện Ninh H như sau:

- Bà Nh được phân chia 01 lô đất, diện tích khoảng 10 m x 20 m;
- Bà Si được phân chia 01 lô đất, diện tích khoảng 10 m x 20 m. Do bà S chết nên ông L là con bà Sinh nhận.
- Ông Nh được phân chia 03 lô đất, diện tích mỗi lô đất khoảng 10 m x 20 m. Do ông N đã chết nên bà nhận.
- Ông N được phân chia 01 lô đất, diện tích khoảng 10 m x 20 m. Do ông N đã chết nên ông Đ là con ông N nhận.
- Bà Nguyễn Thị G (Gái l) được phân chia 01 lô đất, diện tích khoảng 10 m x 20 m.
- Ông Trinh E được phân chia 02 lô đất, mỗi lô có diện tích khoảng 10 m x 20 m để thờ cúng ông bà.
- Ông Trinh A được phân chia 01 lô đất, diện tích khoảng 10 m x 20 m.

Bà Nguyễn Thị G thống nhất nội dung bà Lê Thị T trình bày quan hệ huyết thống cũng như những người thừa kế.

Do hoàn cảnh khó khăn, bà đã chuyển nhượng 03 lô đất được chia cho người khác. Việc chuyển nhượng đã lâu nên bà không nhớ họ tên, địa chỉ người nhận chuyển nhượng đất, bà không nhớ giá chuyển nhượng đất là bao nhiêu.

Ngày 14/01/2008 Ủy ban nhân dân huyện Ninh H thu hồi 864 m² thuộc một phần của Thửa đất số 82A. Diện tích của Thửa đất số 82A còn lại sau khi thu hồi là 220 m²; Thu hồi 843 m² thuộc một phần Thửa đất số 83B. Diện tích của Thửa đất số 83B còn lại sau khi thu hồi là khoảng 590 m². Gia đình bà đã nhận tiền bồi thường thu hồi đất đầy đủ. Diện tích đất còn lại của các Thửa đất số 82A, 83B gia đình bà cũng đã chuyển nhượng cho người khác. Việc chuyển nhượng đất chỉ lập giấy viết tay, không công chứng, chứng thực, gia đình bà không còn lưu giữ các giấy tờ này. Bà cũng không nhớ đã chuyển nhượng đất cho ai và giá chuyển nhượng đất là bao nhiêu tiền. Bà Nguyễn Thị G không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T. Tại phiên tòa, bà Gái xác định thửa đất số 181 tờ bản đồ 07 (trước đây là thửa 83B) đã chuyển nhượng cho vợ chồng Trà Thị H, Nguyễn Kim D; Vợ chồng Trần Thị Ái T, Da Droach Ha Th; Vợ chồng Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thanh D; Vợ chồng Nguyễn Thị Thanh T, Trần Minh V. Trước đây bà G khai chuyển nhượng cho vợ chồng Phạm M là do bà nhầm lẫn. Tất cả các

hợp đồng chuyển nhượng bằng giấy tay, chưa được công chứng hoặc chứng thực nên chưa hoàn tất thủ tục sang tên do có tranh chấp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn L trình bày:

Ông là con đẻ của vợ chồng ông Nguyễn N bà Nguyễn Thị M và là chồng của bà Nguyễn Thị H. Ông L đồng ý với nội dung trình bày của bà T về họ tên cha mẹ, các anh chị em và các cháu của ông. Năm 1971, vợ chồng ông khai hoang được khoảng 2.000 m² đất, tọa lạc ở đầu làng Mỹ T 2, xã Thanh H, huyện Ninh H để trồng hành tây. Sau khi khai hoang, vợ chồng ông đã được chính quyền chế độ cũ cấp Chứng thư kiến điền vào năm 1971.

Ngày 30/11/1994, Ủy ban nhân dân huyện Ninh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0776629 cho ông được quyền sử dụng Thửa đất số 84, tờ bản đồ số 02 xã Thanh H, huyện Ninh H, diện tích 2.000 m² nói trên. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th. Trường hợp Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật di sản của vợ chồng ông Ng bà M để lại, phần ông đã nhận, ông xin nhận, phần di sản ông chưa được nhận, ông xin nhận và ông cho hẳn bà Nguyễn Thị G (Gái N) sở hữu.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trinh E trình bày:

Ông là con đẻ của vợ chồng ông Nguyễn N (chết năm 1979) bà Nguyễn Thị N và là chồng của bà Đào Thị H. Ông đồng ý với nội dung trình bày của bà T về họ tên ông bà nội, các con và các cháu của ông bà nội. Năm 1968, vợ chồng ông N bà N khai hoang được 1.400 m² đất, tọa lạc tại thôn Mỹ T 2, xã Thanh H, huyện Ninh H và đã được chính quyền chế độ cũ cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu vào năm 1972. Năm 1985 ông kết hôn với bà H và được vợ chồng ông N bà N cho 1.400 m² đất này.

Ngày 30/11/1994, Ủy ban nhân dân huyện Ninh H đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0863709 cho vợ chồng ông được quyền sử dụng Thửa đất số 83A, tờ bản đồ số 02 xã Thanh H, diện tích 1.400 m² nói trên. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

Tại Bản trình bày ý kiến (BL 181) Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Thành ủy quyền cho bà Đỗ Oanh Đỗ Quyên tham gia tố tụng trình bày:

Ông bà ngoại của bà Th tên là Nguyễn Ng Nguyễn Thị M. Bà Th là con của bà Nguyễn Thị N. Bà N chết năm 1969 không để lại di chúc. Bà N có 02 người con đẻ là Đỗ Thị Th, Đỗ Anh T. Ông T hiện đang định cư tại Hoa Kỳ. Di sản của vợ chồng ông Ng bà M để lại gồm có thửa đất khoảng 2.000 m² hiện ông L đang quản lý; thửa đất khoảng 1.500 m² hiện nay ông Trinh E đang quản lý, thửa đất diện tích khoảng 2.500 m² hiện nay bà G (Gái N) đang quản lý và khoảng 2.336 m² đất ông Linh, bà G (Gái I) và một số người đã tự chia. Bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và xin được nhận thừa kế bằng tiền. Bà T, bà Đỗ Oanh Đỗ Q yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Tại Đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 05/5/2015 (BL 175) và tại Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 05/5/2015 (BL 173), Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Anh Th trình bày:

Ông là con đẻ của bà Nguyễn Thị N. Bà N chết năm 1969. Ông đồng ý với nội dung trình bày của bà Lê Thị Th về những người thừa kế theo pháp luật của vợ chồng ông Ng bà M. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật di sản của vợ chồng ông Ng bà M chết để lại. Trường hợp Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật di sản của vợ chồng ông Ng bà M để lại, phần ông được nhận ông xin được nhận bằng tiền và ông cho hẳn bà Đỗ Thị Th sở hữu. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt ông trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Việc tổng đạt văn bản cho ông T không thực hiện được.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thanh H, Lê Thị T Th quyền cho bà Lê Thị Th tham gia tố tụng theo các Giấy ủy quyền cùng ngày 24/4/2013 (BL 181a, 184) trình bày:

Các bà là con đẻ của bà Nguyễn Thị S. Các bà đồng ý với nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T. Phần bà được nhận thừa kế, bà yêu cầu được nhận chung với Lê Thị Th, bà Lê Thị Thanh T và nhận bằng hiện vật là đất.

Tại các Biên bản lấy lời khai ngày 07/8/2013 (BL 188, 189) và Đơn kiến nghị ngày 12/7/2014 (BL 191), những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Trinh A, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Đ trình bày:

Ông Nguyễn Ng bà Nguyễn Thị M là cha mẹ đẻ của ông Nguyễn N. Bà N là vợ ông N Vợ chồng ông N bà N có 01 người con nuôi tên là Nguyễn Trinh A và 04 người con đẻ là Nguyễn Trinh E, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Đ. Các ông bà đồng ý với nội dung trình bày của ông Trinh E, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T. Các ông bà không tham gia tố tụng vụ án và yêu cầu Tòa án căn cứ các quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị G (Gái l) ủy quyền cho bà Lê Thị Th tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền ngày 15/02/2011, ủy quyền cho bà Nguyễn Thị X theo Giấy ủy quyền ngày 24/4/2013 trình bày:

Bà Nguyễn Thị G (Gái l) là con đẻ của vợ chồng ông Nguyễn Ng bà Nguyễn Thị M Bà G (Gái l) đồng ý với nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th. Phần bà G (Gái l) được nhận thừa kế, bà xin nhận bằng hiện vật là đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn L. Bà đồng ý với nội dung trình bày của ông L; Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Th Bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị H trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn Trinh E. Bà đồng ý với nội dung trình bày của ông Trinh E, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Th.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Minh Tr chị Lê Thị Thanh H (Lê Thị B), anh Lê Minh T, chị Lê Thị P, anh Lê Minh Th, chị Lê Thị

T, anh Lê Minh Th, ông Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn V, anh Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Văn Tứ Đ, chị Nguyễn Thị Mộng Y, Nguyễn Văn Vàng A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án nên không có nội dung trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Ninh H: Do ông Võ Th - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ninh H là đại diện theo ủy quyền có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhận chuyển nhượng đất đối với một phần thửa đất hiện nay bà Lê Thị T đang khởi kiện là thửa đất số 181 tờ bản đồ số 07 xã Thanh Hải trình bày:

- Vợ chồng bà Trà Thị H, ông Nguyễn Kim D nhận chuyển nhượng thửa đất số 02 thuộc một phần thửa đất 181, theo trích lục bản đồ địa chính ngày 30/8/2018, giá chuyển nhượng là 114.000.000đ bằng giấy viết tay nên chưa hoàn tất thủ tục chuyển quyền sử dụng đất. Vợ chồng ông D, bà Hồng có đồ đất nâng nền đối với diện tích nhận chuyển nhượng, đã giao đủ tiền. Nay đất có tranh chấp thì vợ chồng ông D, bà H đề nghị Tòa giải quyết: Nếu bà Nguyễn Thị G được quyền sử dụng đất thì vợ chồng bà H với bà G sẽ tiếp tục thực hiện hoàn tất thủ tục sang tên đất; Nếu bà G không được quyền sử dụng đất thì vợ chồng bà H với bà G sẽ tự giải quyết bằng vụ án khác.

- Vợ chồng bà Trần Thị Ái T, ông Da Droach Ha Th nhận chuyển nhượng thửa đất số 12 thuộc một phần thửa đất 181, theo trích lục bản đồ địa chính ngày 30/8/2018, việc chuyển nhượng bằng giấy viết tay nên chưa hoàn tất thủ tục chuyển quyền sử dụng đất. Vợ chồng ông Th, bà T đã giao đủ tiền. Nay đất có tranh chấp thì vợ chồng ông Th, bà T đề nghị Tòa giải quyết: Nếu bà Nguyễn Thị G được quyền sử dụng đất thì vợ chồng ông Th với bà G sẽ tiếp tục thực hiện hoàn tất thủ tục sang tên đất; Nếu bà G không được quyền sử dụng đất thì vợ chồng ông Th, bà T sẽ tự giải quyết với bà G bằng vụ án khác.

- Vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh T ông Nguyễn Thành D nhận chuyển nhượng thửa đất số 11 thuộc một phần thửa đất 181, theo trích lục bản đồ địa chính ngày 30/8/2018, việc chuyển nhượng bằng giấy viết tay nên chưa hoàn tất thủ tục chuyển quyền sử dụng đất. Vợ chồng ông D, bà T đã giao đủ tiền. Nay đất có tranh chấp thì vợ chồng ông D, bà T đề nghị Tòa giải quyết: Nếu bà Nguyễn Thị G được quyền sử dụng đất thì vợ chồng ông D, bà T với bà G sẽ tiếp tục thực hiện hoàn tất thủ tục sang tên đất; Nếu bà G không được quyền sử dụng đất thì vợ chồng ông D, bà T sẽ tự giải quyết với bà G bằng vụ án khác.

- Vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh Th, ông Trần Minh V nhận chuyển nhượng thửa đất số 10 thuộc một phần thửa đất 181, theo trích lục bản đồ địa chính ngày 30/8/2018, việc chuyển nhượng bằng giấy viết tay nên chưa hoàn tất thủ tục chuyển quyền sử dụng đất. Vợ chồng ông V, bà T đã giao đủ tiền. Nay đất có tranh chấp thì vợ chồng ông V, bà T đề nghị Tòa giải quyết: Nếu bà Nguyễn Thị G được quyền sử dụng đất thì vợ chồng ông V, bà T với bà G sẽ tiếp tục thực hiện

hoàn tất thủ tục sang tên đất; Nếu bà G không được quyền sử dụng đất thì vợ chồng vợ chồng ông V, bà T sẽ tự giải quyết với bà G bằng vụ án khác.

Tại Bản án dân sự số 16/2023/DS-ST ngày 05/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận quyết định:

- Điều 34, Điều 147 khoản 1, Điều 153 khoản 1, Điều 157 khoản 1, Điều 165 khoản 1, Điều 273, Điều 479 khoản 3 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính;

- Khoản 1 điểm a Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp lệnh thừa kế; Điều 26 khoản 5 của Luật Đất đai năm 2013.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thới với bị đơn bà Nguyễn Thị G (Gái N) về việc chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 83B tờ số 02 (299) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa D 0776632 ngày 30/11/1994 do Ủy ban nhân dân huyện Ninh H cấp cho ông Nguyễn N. Thửa đất số 83B hiện nay là thửa đất số 181 tờ bản đồ số 07 xã Thanh H, huyện Ninh H, tỉnh Ninh Thuận diện tích 592,2m² theo Trích lục Bản đồ địa chính ngày 15/5/2018 và Trích lục Bản đồ địa chính ngày 30/8/2018 do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Ninh Thuận cấp.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí ủy thác tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 11/9/2023 bà T kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chia thừa kế diện tích 592,2m² hiện bà G đang quản lý; yêu cầu được nhận hiện vật hoàn trả lại giá trị cho các đồng thừa kế và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông N.

Tại phiên tòa bà T giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; hai bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Thế trình bày: Bà G cho rằng diện tích 592,2m² do vợ chồng bà Gái khai phá năm 1987 là không phù hợp, vì vợ chồng bà G kết hôn năm 1987 thì không thể khai phá năm 1987; diện tích đất này là một phần đất có nguồn gốc của cụ Ng và cụ M, đã giao cho vợ chồng bà G quản lý nhưng ông N chồng của bà G tự ý làm thủ tục kê khai, đăng ký đứng tên quyền sử dụng đất có nguồn gốc của cụ Ng và cụ M là không đúng. Mặt khác, bà Gái cho rằng đất do vợ chồng bà G khai phá, còn bản án sơ thẩm thì nhận định đất của HTX Mỹ Phong giao cho vợ chồng bà G là mâu thuẫn nên đề nghị hoãn phiên tòa để thu thập tài liệu làm rõ nguồn gốc đất. Theo hai Chứng thư đã cung cấp thể hiện đất có nguồn gốc của cụ Ng và cụ M; trong quá trình giải quyết vụ án bà Gái cũng thừa nhận đất của cụ Ng và cụ M, đến nay không có căn cứ nào xác định đất đã đưa vào HTX Mỹ Phong quản lý; đề nghị Hội đồng xét xử làm rõ nguồn gốc đất, còn không thì sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của bà T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà G trình bày: Đến nay bà Thế không chứng minh được 592,2m² thuộc hai Chứng thư của cụ Ng và cụ M để lại; Chứng thư do chế độ cũ cấp, sau giải phóng cụ Ng và cụ M không kê khai, đăng ký đất; đây là đất nông nghiệp vợ chồng ông N, bà G quản lý, sử dụng từ năm 1987 gồm 3 thửa đất, trong đó có một thửa do anh chị em bà G tự chia, còn lại hai thửa vợ chồng bà G khai phá, đã được cấp giấy CNQSDĐ từ năm 1994, khi cụ M vẫn còn sống không có ý kiến gì. Đến năm 2013 bà T mới khởi kiện, lúc đầu bà T kiện rất nhiều thửa nhưng sau đó rút dần và chỉ khởi kiện 592,2m². Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Về thủ tục tố tụng những người tiến hành tố tụng, các đương sự tuân thủ đúng theo quy định. Về nội dung kháng cáo của bà T thì thấy bản án sơ thẩm cho rằng đất tranh chấp đã đưa vào HTX Mỹ P quản lý là chưa có cơ sở vững chắc. Tuy nhiên, khi cụ M còn sống và anh em thống nhất chia đất đã quản lý, sử dụng và được Nhà nước cấp giấy CNQSDĐ cho từng người nên căn cứ theo Án lệ số 24/2018/AL của HĐTP TANDTC về di sản thừa kế chuyển thành tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của cá nhân thì không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế. Đề nghị bác đơn kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Đơn kháng cáo của bà Lê Thị Thế đúng theo quy định của pháp luật, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]. Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T căn cứ tài liệu hai Chứng thư của chính quyền Việt Nam Cộng hòa cấp cho cụ Nguyễn Ng 0,4ha để cho rằng diện tích 592,2m², tại thửa đất số 83B (nay là thửa 181) là di sản của cụ Nguyễn Ng, cụ Nguyễn Thị M chết để lại chưa chia. Tuy nhiên, khi cụ M còn sống, cụ M cùng các con đã chia mỗi người một phần đất quản lý, sử dụng và được UBND huyện Ninh H, tỉnh Ninh Thuận cấp giấy CNQSDĐ cho từng người từ năm 1994. Căn cứ Án Lệ số 24/2018/AL của HĐTP TANDTC về di sản thừa kế chuyển thành tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của cá nhân thì không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của bà T.

[3]. Mặt khác, nếu diện tích 592,2m² đất nông nghiệp, tại thửa số 83B, (nay là thửa 181), có nguồn gốc của cụ Nguyễn Ng, cụ Nguyễn Thị M nhưng các cụ không kê khai, đăng ký và không sử dụng đất; theo Điều 18 Hiến pháp năm 1982 của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thì Nhà nước cũng không công nhận quyền sử dụng đất của cụ Ng, cụ M. Diện tích đất trên vợ chồng bà G, ông N đã quản lý sử dụng từ năm 1987; đến năm 1994 khi cụ M còn sống UBND

huyện Ninh H, tỉnh Ninh Thuận cấp giấy CNQSDĐ đứng tên hộ ông Nguyễn Nhín là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 73 Luật đất đai năm 1993. Do đó, người bảo vệ quyền lợi cho bà T yêu cầu hoãn phiên tòa để thu thập tài liệu, nhằm xác định diện tích 592,2m² trước đây có đưa vào HTX Mỹ P quản lý hay không là không cần thiết, không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

[4]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người kháng cáo không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Bác đơn kháng cáo của bà T yêu cầu chia thừa kế và hủy một phần Giấy CNQSDĐ của UBND huyện Ninh H đối với diện tích 592,2m², thửa 83B, tờ bản đồ số 2 (TL 299), nay là thửa 181, tờ bản đồ số 7; giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà Thê phải chịu án phí phúc thẩm nhưng do bà Thê là người cao tuổi nên được miễn.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Lê Thị T; giữ nguyên Bản án dân sự số 16/2023/DS-ST ngày 05/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận như sau:

Căn cứ khoản 4 Điều 34, Điều 147, khoản 1 Điều 153, khoản 1 Điều 157 khoản 1 Điều 165, Điều 273, khoản 3 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ khoản 1 Điều 73 Luật đất đai năm 1993, Án Lệ số 24/2018/AL của HĐPTANDTC, Điều 18 Hiến pháp năm 1992. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Gái (Gái Nhín) về việc chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 83B, tờ bản đồ số 02 (TL 299) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa D 0776632 ngày 30/11/1994 do Ủy ban nhân dân huyện Ninh N cấp cho ông Nguyễn Nhín. Thửa đất số 83B hiện nay là thửa đất số 181 tờ bản đồ số 07 xã Thanh H, huyện Ninh H, tỉnh Ninh Thuận diện tích 592,2m² theo Trích lục Bản đồ địa chính ngày 15/5/2018 và Trích lục Bản đồ địa chính ngày 30/8/2018 do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Ninh Thuận cấp.

- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí thẩm định, định giá, ủy thác tư pháp các lần giải quyết và án phí sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị T được miễn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Cục THADS tỉnh Ninh Thuận;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS, NTTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý

